

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/12/2022
V/v tranh chấp: “Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi, bà Hà Thị Thúy.

T ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên – T ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 499/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐ-HPT ngày 29/11/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989.

- Bị đơn: Anh **Phạm Trung K**, sinh năm 1989.

ĐKKHKT: Số 40 A, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú: Số 12/24 ngõ 113 C, Tân Mai, quận D, thành phố Hà Nội.

Chị T, anh K đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Trung K được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố H ngày 07/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đỉnh điểm có lần anh K đã chửi bới và đánh chị. Mâu thuẫn giữa chị và anh K đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh K không còn. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K; Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Tiến E, sinh ngày 09/12/2012 và Phạm Tuấn F, sinh ngày 19/12/2017. Chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con nhưng anh K có

nguyện vọng nuôi cháu E nên chị đồng ý. Chị đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người nuôi một con, chị tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con; Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, anh K trình bày: Về điều kiện kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do áp lực trong công việc, cuộc sống và vấn đề sức khỏe của cháu F nên vợ chồng ít có thời gian quan tâm, chia sẻ với nhau. Anh và chị T sống cùng một nhà nhưng mỗi người một phòng riêng, không sinh hoạt chung khoảng 1 năm nay. Bản thân anh cũng đã đưa ra một số biện pháp để khắc phục nhưng chưa có kết quả. Vì vậy chị T xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị hòa giải và cho anh thêm thời gian để vợ chồng đoàn tụ; Vợ chồng có hai con chung thống nhất như chị T đã trình bày. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu E để chị T nuôi cháu F không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai ông Phạm Quang V (bố đẻ anh K), kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện: Chị T, anh K lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, Thường xuyên xảy ra va chạm. Anh K là người tính tình nóng nảy nên trong lúc nóng giận đã tát chị T. Vợ chồng tuy sống cùng một nhà nhưng đã ly thân khoảng 1 năm nay. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần cho anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị T xin ly hôn đề nghị hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị T K quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị T, anh K để đảm bảo tốt nhất cho các cháu. Chị T, anh K không có tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Phạm Tiến E ngày 25/9/2022, thể hiện: cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn. Tại đơn đề nghị của chị T ngày 26/11/2022, cháu E đồng ý ở với bố cháu và cháu muốn được gặp em cháu và mẹ cháu Tòng xuyên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Trung K; Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Tiến E, sinh ngày 09/12/2012 cho anh Phạm Trung K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Tuấn F, sinh

ngày 19/12/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh K đăng ký hộ khẩu Thường trú tại phường B, thành phố Hải Dương và hiện cư trú tại Hà Nội, chị T, anh K thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân thành Hải Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc ly hôn. Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là anh K vắng mặt. Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh K là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh K được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị T, anh K là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, Tong yêu nhau. Vợ chồng tuy sống cùng một nhà nhưng đã ly thân một năm nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh K. Xác minh tại chính quyền địa phương, người thân gia đình anh K thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh, chị đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Anh K mong muốn có thêm thời gian để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên chị T K quyết xin ly hôn, hiện anh chị vẫn chung sống cùng một nhà nhưng anh K lại không đưa ra được giải pháp để cải thiện tình trạng vợ chồng. Tòa án tổ chức phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh K cũng không đến Tòa án làm việc thể hiện anh K không thực sự thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy chị T, anh K đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không F được nên cần xử cho chị T ly hôn anh K là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Tiến E, sinh ngày 09/12/2012 và Phạm Tuấn F, sinh ngày 19/12/2017, chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con nhưng anh K cũng có nguyện vọng nuôi cháu E nên chị T đồng ý. Cháu E lúc đầu mong muốn được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn nhưng bố cháu có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu khi ly hôn nên cháu đồng ý, cháu ở cùng bố nhưng mong được gặp mẹ cháu và em cháu Tùng xuyên. Hội đồng xét xử nhận thấy việc nuôi dưỡng chăm sóc con là nghĩa vụ, trách nhiệm của cha mẹ. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T và anh K đều là chính đáng, anh chị đều làm lao động tự do và có thu nhập cơ bản ngang nhau. Do vậy cần giao cháu Phạm Tiến E cho anh K và giao cháu F cho

chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T, anh K không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị T, anh K xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Trung K.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Tiến E, sinh ngày 09/12/2012 cho anh Phạm Trung K và giao cháu Phạm Tuấn F, sinh ngày 19/12/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T, anh K không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001212 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường B để lưu hộ tịch (ĐKKH: 07/12/2012);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan